

Số: 18 /KH-TTKSBT

Gia Lai, ngày 08 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Hoạt động Phòng, chống sốt rét
bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BYT ngày 04/01/2017 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt lộ trình loại trừ sốt rét tại Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2657/QĐ-BYT ngày 23/6/2020 của Bộ Y tế về ban hành Kế hoạch phòng chống và loại trừ sốt rét tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1609/QĐ-BYT ngày 08/4/2020 của Bộ Y tế về phân vùng dịch tễ sốt rét tại Việt Nam năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-BYT, ngày 25/10/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt rét;

Căn cứ Quyết định số 3377/QĐ-BYT ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2023/NQ-HDND ngày 22/7/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HDND ngày 20/10/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Gia Lai Nghị quyết về quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng – dân số trên địa bàn Gai Lai Tây;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-SYT ngày 13/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2366/QĐ-SYT ngày 18/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2605/QĐ-SYT ngày 04/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai các hoạt động Phòng, chống sốt rét bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Đẩy mạnh các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét trong 6 tháng cuối năm 2025. Tỷ lệ mắc ký sinh trùng sốt rét còn $\leq 0,05/1.000$ dân, tử vong do sốt rét $< 0,02/100.000$ dân, không để dịch sốt rét xảy ra. Quản lý chặt chẽ các đối tượng nguy cơ cao, phát hiện và điều trị bệnh kịp thời, đúng phác đồ. Tiếp tục củng cố các yếu tố bền vững, ngăn chặn sốt rét, đảm bảo sốt rét không quay trở lại tại các xã đã loại trừ.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể

a) Đảm bảo người dân được tiếp cận đầy đủ dịch vụ chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét.

***Chỉ tiêu:**

- 100% người nghi ngờ sốt rét được khám bệnh và xét nghiệm sốt rét.
- 100% người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị đúng theo phác đồ của Bộ Y tế.

b) Đảm bảo người dân trong ổ bệnh sốt rét được bảo vệ. Nâng cao kiến thức, hành vi của người dân để tự bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét.

***Chỉ tiêu:**

- 100% người dân trong ổ bệnh sốt rét được bảo vệ bằng phương pháp phun hóa chất.
- Trên 90% người dân trong ổ bệnh sốt rét có ngủ màn đêm.

c) Phát hiện và giải quyết sớm các trường hợp bệnh sốt rét. Nâng cao chất lượng giám sát dịch tễ, côn trùng truyền bệnh sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét.

***Chỉ tiêu:**

- 100% trường hợp bệnh được báo cáo, điều tra đầy đủ đúng hạn theo hướng dẫn Bộ Y tế.
- 100% ổ bệnh được xử lý kịp thời trong vòng 7 ngày.

d) Hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

***Chỉ tiêu:**

Tiếp tục củng cố hồ sơ loại trừ bệnh sốt rét tại các xã, định hướng tới loại trừ sốt rét năm 2028 trên phạm vi toàn tỉnh.

Đảm bảo sốt rét không quay trở lại tại xã đã loại trừ bệnh sốt rét.

III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

Hoạt động triển khai trong 6 tháng cuối năm 2025 tại 135 xã trong tỉnh.

IV. CHỈ TIÊU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỚI NĂM 2030.

TT	Chỉ tiêu được trung ương giao đến năm 2030	Chỉ tiêu hiện nay của tỉnh		Năm 2030
		Gia Lai Đông	Gia Lai Tây	
1	Giảm tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân <0,15.	< 0,005	0,11	0,01
2	Khống chế tỷ lệ chết do sốt rét dưới 0,02/100.000 dân	0	0,07	0

V. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các giải pháp chủ yếu

1.1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch hoạt động thực hiện “Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Lộ trình loại trừ bệnh sốt rét tại Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến 2030.

- Triển khai kịp thời các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét. Chỉ đạo tăng cường các hoạt động giám sát dịch tễ sốt rét, phòng chống dịch bệnh ở các vùng trọng điểm sốt rét, vùng có nhiều đối tượng di biến động vào vùng sốt rét lưu hành. Chú trọng triển khai các biện pháp phòng chống phù hợp, có hiệu quả những nơi có tình hình sốt rét biến động, tăng cao. củng cố hệ thống thông tin báo cáo trường hợp bệnh, báo cáo tuần, tháng, năm.

- Huy động các cơ sở y tế tư nhân tham gia vào công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

- Triển khai thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế trong phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét cho tất cả các tuyến.

1.2. Chuyên môn kỹ thuật

1.2.1. Hoạt động chẩn đoán, điều trị và giám sát dịch tễ sốt rét.

- Nâng cao năng lực chẩn đoán và điều trị sốt rét tại các tuyến bệnh viện và các cơ sở y tế. Phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ quy định, giảm tử vong do bệnh sốt rét.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ tình hình dịch tễ sốt rét trong toàn tỉnh, giám sát việc chẩn đoán phát hiện sớm người mắc sốt rét và điều trị sớm đúng thuốc

theo chủng loại ký sinh trùng, đủ liều, đủ ngày. Duy trì hoạt động có hiệu quả các điểm kính hiển vi tại xã, liên xã nhằm phát hiện bệnh sớm và phục vụ điều trị sớm, đúng hướng dẫn theo chủng loại ký sinh trùng tại cơ sở. Phát hiện bệnh bằng test chẩn đoán nhanh, đặc biệt tại các xã trọng điểm sốt rét, vùng sâu vùng xa, vùng chưa có điểm kính hiển vi, các thôn bản miền núi ở xa trạm y tế.

- Đảm bảo tiếp nhận và phân bổ đủ thuốc sốt rét có hiệu lực cao, thuốc phối hợp, thuốc điều trị thay thế theo phác đồ điều trị sốt rét được Bộ Y tế ban hành, không để thiếu thuốc ở các cơ sở điều trị.

1.2.2 Phòng chống muỗi truyền bệnh.

- Sử dụng các hóa chất diệt muỗi truyền bệnh sốt rét có hiệu lực cao (phun tồn lưu, sử dụng màn tẩm hóa chất tồn lưu dài). Áp dụng biện pháp diệt muỗi có hiệu quả tại các vùng sốt rét nặng có tỷ lệ mắc giảm chậm và không ổn định.

- Cung cấp màn, vớng tẩm hóa chất diệt muỗi tồn lưu dài, kem xua muỗi cho dân vùng sốt rét lưu hành.

1.3 Truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét tới cộng đồng bằng các phương tiện thông tin thích hợp, đặc biệt truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp cho đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh sốt rét tại vùng sốt rét lưu hành.

- Cung cấp các tài liệu truyền thông phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

1.4. Nguồn lực đầu tư và hợp tác quốc tế

- Tăng cường đầu tư nguồn lực, bố trí và đào tạo nhân lực làm công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét, chú trọng vào đội ngũ cán bộ chuyên trách hoặc chịu trách nhiệm quản lý và triển khai thực hiện công tác phòng chống bệnh sốt rét, đặc biệt là đội ngũ cán bộ y tế tuyến xã, thôn.

- Tích cực huy động nguồn viện trợ quốc tế cho công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt, dự án phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét từng giai đoạn. Sử dụng các nguồn kinh phí đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Đảm bảo người dân được tiếp cận đầy đủ dịch vụ chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét

a) Tăng cường hệ thống chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét

- Tổ chức sàng lọc và xét nghiệm cho các trường hợp nghi ngờ sốt rét bằng kính hiển vi hoặc xét nghiệm bằng test nhanh để phát hiện sớm bệnh sốt rét, tránh lây lan trong cộng đồng đảm bảo 100% người nghi ngờ mắc sốt rét được khám bệnh và xét nghiệm sốt rét.

- Điều trị tất cả các trường hợp bệnh sốt rét được phát hiện theo Quyết định số 3377/QĐ-BYT ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét.

- Lấy lam máu xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét bằng kính hiển vi cho 40.000 người dân có nguy cơ tại các cơ sở y tế, gửi 100% lam dương và 10% lam âm đã xét nghiệm lên tuyến trên để kiểm tra. Nhận và lưu trữ tất cả các kết quả kiểm tra lam xét nghiệm.

- Thành lập các điểm kính hiển vi tại các TT YT trực thuộc Sở Y tế và điểm kính hiển vi tuyến xã.

- Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ 30 điểm kính hiển vi tuyến xã trong hoạt động xét nghiệm chẩn đoán sốt rét.

- Cung cấp vật tư tiêu hao để duy trì điểm kính hiển vi các tuyến. Bảo dưỡng, sửa chữa các kính hiển vi tuyến tỉnh.

b) Đảm bảo đầy đủ các loại thuốc điều trị bệnh sốt rét có hiệu lực và chất lượng trên toàn tỉnh.

- Giám sát việc thực hiện chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét ở các tuyến để đảm bảo tất cả các trường hợp bệnh sốt rét được chẩn đoán và điều trị đúng phác đồ.

- Sử dụng thuốc sốt rét phối hợp có hiệu lực cao để điều trị cho tất cả trường hợp nhiễm *P.falciparum* và phối hợp với *P.falciparum*. Tại những nơi có bằng chứng về kháng thuốc Artemisinin phải sử dụng phác đồ chống kháng thuốc theo quy định.

- Tiếp nhận và phân bổ đủ thuốc điều trị bệnh sốt rét cho các tuyến.

2.2. Đảm bảo người dân trong ổ bệnh sốt rét được bảo vệ; nâng cao kiến thức, hành vi của người dân để tự bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét

a) Đảm bảo người dân trong ổ bệnh sốt rét được bảo vệ bằng phun chất phòng chống sốt rét

- Triển khai phun hóa chất tồn lưu và giám sát phun đợt 2 tại các nhà rẫy, nhà đầm, nhà ở tại xã các vùng trọng điểm sốt rét: Phú Túc, Ia H'Dreh, Ia Rsai, Uar, Ia Tul, Ia Nan, Ia Dom, Krong (Các xã, phường thuộc vùng sốt rét lưu hành nặng theo Quyết định phân vùng dịch tễ sốt rét của Bộ Y tế).

- Hỗ trợ kinh phí cho người trực tiếp phun tồn lưu hóa chất diệt muỗi phòng chống sốt rét theo quy định.

- Điều tra biosay, đánh giá hiệu lực phun tồn lưu diệt muỗi *Anopheles* tại các xã Phú Túc, Ia H'Dreh, Ia Rsai, Uar, Ia Tul, Ia Nan, Ia Dom, Krong sau khi phun hóa chất tồn lưu theo quy định. Theo dõi muỗi kháng hóa chất diệt côn trùng.

- Phun hóa chất diệt côn trùng cho các hộ gia đình tại thôn, bản, ấp có ổ bệnh sốt rét (nếu có) theo quy định.

- Phối hợp với Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin” cấp màn, võng màn tẩm hóa chất tồn lưu dài cho phụ nữ có thai và người dân vùng nguy cơ mắc sốt rét.

b) Nâng cao kiến thức, hành vi của người dân để tự bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét

- Cung cấp thông tin và phối hợp khoa truyền thông giáo dục sức khỏe thực hiện truyền thông trên các phương tiện truyền thông về: tác nhân gây bệnh, các yếu tố nguy cơ, ý thức bảo vệ cá nhân phòng chống sốt rét khi vào vùng sốt rét lưu hành, đi rừng ngủ rẫy,...

- Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống sốt rét cho cộng đồng lồng ghép với truyền thông phòng chống các bệnh truyền nhiễm khác.

2.3. Hoạt động phát hiện và giải quyết sớm các trường hợp bệnh sốt rét. Nâng cao chất lượng giám sát dịch tễ, côn trùng truyền bệnh sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét

a) Phát hiện và giải quyết sớm các trường hợp bệnh sốt rét

- Tổ chức giám sát điểm biến động (ca bệnh, ổ bệnh) sốt rét trong vòng 7 ngày sau khi phát hiện trường hợp bệnh xác định nội địa hoặc nghi ngờ nội địa theo hướng dẫn: Thành lập đội điều tra, tổ chức điều tra, can thiệp xử lý ổ bệnh, theo dõi đánh giá sau khi xử lý.

- Điều tra, giám sát chủ động phát hiện trường hợp bệnh, côn trùng truyền bệnh sốt rét đợt 2 tại làng Đăk Tra, xã Vĩnh Sơn và làng Kà Te, xã Vân Canh, thời gian thực hiện vào các tháng: 9-10 trong năm; điều tra côn trùng độc lập, đánh giá mật độ muỗi và tỷ lệ ngủ màn của người dân tại các vùng sốt rét lưu hành (*các xã/phường có ký sinh trùng sốt rét lan truyền tại chỗ hoặc vùng sốt rét lưu hành bao gồm lưu hành nhẹ, lưu hành vừa và lưu hành nặng theo Quyết định phân vùng dịch tễ sốt rét của Bộ Y tế*).

b) Nâng cao chất lượng giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét.

- Hội nghị, tập huấn: Tổ chức 01 lớp tập huấn “hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh sốt rét và thống kê báo cáo” cho 22 cán bộ Trung tâm y tế trực thuộc (thuộc Gia Lai Đông).

- Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên, giám sát chủ động phòng chống bệnh sốt rét: Giám sát trường hợp bệnh sốt rét, giám sát muỗi truyền bệnh sốt rét, giám sát trọng điểm sốt rét,... theo Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 25/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt rét.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động giám sát sốt rét xã của Trung tâm Y tế trực thuộc (thuộc Gia Lai Tây).

- Thực hiện báo cáo bệnh sốt rét qua hệ thống báo cáo bệnh truyền nhiễm - quản lý sốt rét quốc gia (eCDS-MMS).

- Thực hiện báo cáo và điều tra 100% trường hợp ca bệnh sốt rét trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá công tác thống kê, báo cáo của các cơ sở y tế tuyến cơ sở.

- Phối hợp triển khai các hoạt động của Dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin đúng kế hoạch, đúng tiến độ và theo quy định của Dự án.

2.4. Hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét.

a) Hoạt động loại trừ bệnh sốt rét

- Tiếp tục thực hiện lộ trình loại trừ sốt rét theo Quyết định 08/QĐ-BYT ngày 04/01/2017 của Bộ Y tế “Phê duyệt lộ trình loại trừ sốt rét tại Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”. Định hướng đến năm 2028 toàn tỉnh Gia Lai thực hiện loại trừ bệnh sốt rét.

- Tăng cường giám sát hỗ trợ, hướng dẫn các tiêu chí và hoàn thiện hồ sơ loại trừ cho các xã đang thực hiện loại trừ.

b) Phòng ngừa sốt rét quay trở lại sau loại trừ

- Tiếp tục thực hiện việc giám sát thường xuyên bệnh sốt rét để phòng ngừa sốt rét quay trở lại sau loại trừ, trong đó tập trung hoạt động giám sát phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc sốt rét, giám sát các trường hợp trở về từ vùng có sốt rét lưu hành trong và ngoài nước tại các xã đã được công nhận loại trừ bệnh sốt rét

- Quản lý tốt các trường hợp bệnh sốt rét ngoại lai, đề phòng lây truyền bệnh sốt rét tại địa phương.

- Duy trì các hoạt động giám sát dịch tễ, côn trùng truyền bệnh và giám sát các hoạt động của các tuyến, củng cố các yếu tố bền vững đảm bảo sốt rét không quay trở lại sau loại trừ.

VI. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Tổng kinh phí thực hiện là: **632.948.791** đồng (Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng).

* Lưu ý: Trong giai đoạn chuyển tiếp, các nội dung hoạt động đơn vị đã thực hiện triển khai theo các nội dung thuộc các Kế hoạch cũ (đã được Sở Y tế tỉnh Bình Định và Sở Y tế tỉnh Gia Lai phê duyệt trước khi sắp xếp, tổ chức lại bộ máy) trước thời điểm Kế hoạch này ban hành thì được phép tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành. Việc thanh toán cho các hoạt động này được thực hiện theo đúng nội dung và dự toán đã phê duyệt tại các Kế hoạch cũ đó.

(Chi tiết dự toán kinh phí cho các hoạt động 6 tháng cuối năm 2025 tại phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3 kèm theo)

Ngoài các nguồn kinh phí được cấp nêu trên, Trạm Y tế xây dựng triển khai các hoạt động Phòng, chống sốt rét trên địa bàn và báo cáo chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trung tâm kiểm soát bệnh tật

- Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động theo nội dung Kế hoạch được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí và thực hiện việc chi tiêu theo đúng chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các địa phương; Tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt rét.

- Giám sát, kiểm tra thực hiện phác đồ chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét tại các tuyến; kiểm tra đánh giá hoạt động các điểm kinh điển.

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát và đánh giá tình hình triển khai các hoạt động phòng ngừa sốt rét quay trở lại tại các địa phương; tổng hợp báo cáo các hoạt động theo đúng quy định.

- Tổ chức điều tra, triển khai phòng chống dịch sốt rét trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, thống kê, báo cáo kết quả các hoạt động, tiến độ giải ngân kinh phí định kỳ hàng quý và báo cáo năm (*Thời điểm báo cáo quý trước ngày 10 của tháng sau liền kề và báo cáo năm về Sở Y tế trước ngày 15/12/2025*).

2. Các Trung tâm Y tế trực thuộc Sở

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động Phòng chống sốt rét 6 tháng cuối năm 2025 tại địa phương trên cơ sở Kế hoạch chung của tỉnh, đồng thời chủ phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động nhằm duy trì kết quả đã đạt được.

- Chủ động đề xuất, báo cáo Sở Y tế đề bổ sung nhu cầu kinh phí tổ chức chương trình hoạt động trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện giám sát bệnh sốt rét trên địa bàn; quản lý tốt dân di biến động; phát hiện kịp thời và quản lý tốt các trường hợp bệnh; xử lý ổ bệnh sốt rét. Cập nhật hồ sơ, sổ sách, số liệu sốt rét các năm để thực hiện công tác kiểm tra thẩm định công nhận tiêu chí “loại trừ sốt rét”.

- Triển khai việc thực hiện chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét đúng phác đồ; chỉ đạo các hoạt động các điểm kinh điển vi tuyến xã.

- Chủ động giám sát thường xuyên tình hình trường hợp bệnh sốt rét trên địa bàn, phát hiện và báo cáo kịp thời nguy cơ phát sinh dịch để điều tra và xử lý sớm, không để dịch phát triển và lan rộng.

- Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các báo cáo theo quy định.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế:

+ Xây dựng và triển khai các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét 6 tháng cuối năm 2025 tại địa phương sau khi xác nhập đơn vị hành chính; chủ động triển khai các hoạt động theo kế hoạch chung của tỉnh đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các kế hoạch hoạt động nhằm duy trì các kết quả đã đạt được.

+ Chủ động đề xuất, tham mưu với Chính quyền địa phương bố trí kinh phí tổ chức chương trình hoạt động trên địa bàn quản lý đạt hiệu quả.

+ Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm y tế thực hiện giám sát bệnh sốt rét trên địa bàn; quản lý tốt dân di biến động; phát hiện kịp thời và quản lý tốt các trường hợp bệnh; xử lý ổ bệnh sốt rét. Cập nhật hồ sơ, sổ sách, số liệu sốt rét các năm để thực hiện công tác kiểm tra thẩm định công nhận tiêu chí “loại trừ sốt rét”.

+ Triển khai việc thực hiện chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét đúng phác đồ; chỉ đạo các hoạt động các điểm kinh điển vi tuyến xã.

+ Chủ động giám sát thường xuyên tình hình trường hợp bệnh sốt rét trên địa bàn, phát hiện và báo cáo kịp thời nguy cơ phát sinh dịch để điều tra và xử lý sớm, không để dịch phát triển và lan rộng.

+ Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các báo cáo theo quy định.

3. Các cơ sở khám chữa bệnh đóng trên địa bàn:

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về việc hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm.

- Tăng cường công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe phòng chống và loại trừ sốt rét cho người bệnh và người nhà góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Báo cáo cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh khi ghi nhận bệnh nhân sốt rét theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động Phòng, chống sốt rét bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025./

Nơi nhận:

- Sở Y tế (báo cáo);
- Lãnh đạo TTKSBT;
- TTYT trực thuộc Sở (phối hợp);
- Phòng TCKT, KHN (phối hợp);
- Lưu: VT, KSTCT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Truyền

Phụ lục 1:
DỰ TOÁN KINH PHÍ
Hoạt động Phòng, chống sốt rét
bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025

DVT: Đồng

TT	Nội dung hoạt động	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		
		Tổng cộng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm
1	Tập huấn, Hội nghị nâng cao năng lực chuyên môn, thống nhất quy trình chuyên môn...	6.719.755	0	6.719.755
2	Tổ chức điều tra dịch tễ - côn trùng sốt rét	23.085.836	0	23.085.836
3	Điều tra côn trùng độc lập đánh giá mật độ muỗi và tỷ lệ ngủ màn của người dân	78.950.000	0	78.950.000
4	Điều tra bioassay, đánh giá hiệu lực phun tồn lưu diệt muỗi Anophenles	44.760.000	0	44.760.000
5	Hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên, giám sát chủ động	124.796.000	0	124.796.000
6	Bảo dưỡng, sửa chữa kính hiển vi	10.000.000	0	10.000.000
7	Mua vật tư, hóa chất phòng sốt rét cung cấp các tuyến	163.000.000	0	163.000.000
8	Kiểm tra giám sát hoạt động chuyên môn các tuyến	41.001.200	2.400.000	38.601.200
9	Hỗ trợ công phun tồn lưu (nhà ở, nhà rẫy)	92.936.000	14.820.000	78.116.000
10	Hỗ trợ kinh phí điểm kính (30 điểm kính)	47.700.000	900.000	46.800.000
TỔNG CỘNG		632.948.791	18.120.000	614.828.791

Phụ lục 2:
DỰ TOÁN CHI TIẾT
Hoạt động Phòng, chống sốt rét
bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
	Hoạt động Phòng, chống sốt rét	632.948.791	18.120.000	614.828.791	
1	Tập huấn, Hội nghị nâng cao năng lực chuyên môn, thống nhất quy trình chuyên môn...	6.719.755	0	6.719.755	
1.1	Tập huấn hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh sốt rét và thống kê báo cáo	3.260.000	0	3.260.000	
	Báo cáo viên (1 người x 1 ngày x 1.500.000)	1.500.000		1.500.000	Khoản 1, 3, điều 12 TT 40/2017/TTBTC và Khoản 3, điều 8 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Giải khát giữa giờ (22 người x 1 ngày x 50.000đ/ngày)	1.100.000		1.100.000	
	Vpp (22 người x 10.000đ/người)	220.000		220.000	
	Tài Liệu (22 người x 20.000đ/người)	440.000		440.000	
1.2	Tập huấn chuyên môn cho cán bộ y tế các tuyến: Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ sốt rét cho học viên cơ sở	18.676	0	18.676	
	Phú Thiện	18.676		18.676	
	Đức Cơ	0		0	
	TTKSBT	0		0	

1.3	Hội Nghị tổng kết công bố loại trừ sốt rét	3.441.079	0	3.441.079	
	Phú Thiện	771.920		771.920	
	Đức Cơ	20.740		20.740	
	TTKSBT	2.648.419		2.648.419	
2	Tổ chức điều tra dịch tễ - côn trùng sốt rét	23.085.836	0	23.085.836	
	Phụ cấp lưu trú (40 ngày x 300.000)	12.000.000		12.000.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (30 đêm x 300.000)	9.000.000		9.000.000	Khoản 1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Xăng xe: 496 km x 16,8 lít/100km x 25000 đ/lít	2.085.836		2.085.836	(Tiền xăng chi theo thực tế)
3	Điều tra côn trùng độc lập đánh giá mật độ muỗi và tỷ lệ ngủ màn của người dân	78.950.000	0	78.950.000	
	Phụ cấp lưu trú (100 ngày x 300.000)	30.000.000		30.000.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (80 đêm x 300.000)	24.000.000		24.000.000	Khoản 1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Xăng: (khoán 1.000 đ/km/người)	14.550.000		14.550.000	(Tiền xăng chi theo thực tế)
	Tiền công hỗ trợ bắt muỗi (80 đêm x 130.000đ/đêm/người)	10.400.000		10.400.000	Điểm c, khoản 6, điều 2 NQ: 57/NQ-HĐND
4	Điều tra bioassay, đánh giá hiệu lực phun tồn lưu diệt muỗi <i>Anopheles</i>	44.760.000	0	44.760.000	
	Phụ cấp lưu trú (50 ngày x 300.000)	15.000.000		15.000.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (40 đêm x 300.000)	12.000.000		12.000.000	Khoản 1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Xăng: (khoán 1.000 đ/km/người)	12.560.000		12.560.000	(Tiền xăng chi theo thực tế)
	Tiền công hỗ trợ bắt muỗi (40 đêm x 130.000đ/đêm/người)	5.200.000		5.200.000	Điểm c, khoản 6, điều 2 NQ: 57/NQ-HĐND

5	Hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên, giám sát chủ động	124.796.000	0	124.796.000	
5.1	Giám sát phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét	47.000.000	0	47.000.000	
	Phụ cấp lưu trú (80 ngày x 300.000 đ/ngày)	24.000.000		24.000.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (60 đêm x 300.000 đ/đêm)	18.000.000		18.000.000	Khoản1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Xăng: (khoán 1.000 đ/km/người)	5.000.000		5.000.000	(Tiền xăng chi theo thực tế)
5.2	Giám sát các hoạt động phòng ngừa sốt rét quay trở lại sau loại trừ	0	0	0	
5.3	Giám sát hoạt động và đánh giá chất lượng 70 điểm kính hiển vi	0	0	0	
5.4	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát KH loại trừ sốt rét	4.199.000	0	4.199.000	
5.5	Giám sát điểm biến động (ca bệnh, ổ bệnh)	24.840.000	0	24.840.000	
	Phụ cấp lưu trú (30 ngày x 300.000 đ/ngày)	9.000.000		9.000.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (24 đêm x 300.000 đ/đêm)	7.200.000		7.200.000	Khoản1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền công hỗ trợ bắt muỗi (24 đêm x 130.000đ/đêm/người)	3.120.000		3.120.000	Điểm c, khoản 6, điều 2 NQ: 57/NQ-HĐND
	Xăng: (khoán 1.000 đ/km/người)	5.520.000		5.520.000	(Tiền xăng chi theo thực tế)
5.6	Giám sát trọng điểm (nhà rẫy)	31.140.000	0	31.140.000	
	Phụ cấp lưu trú (36 ngày x 300.000 đ/ngày)	10.800.000		10.800.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (27đêm x 300.000 đ/đêm)	8.100.000		8.100.000	Khoản1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền công hỗ trợ bắt muỗi (27 đêm x 130.000đ/đêm/người)	3.510.000		3.510.000	Điểm c, khoản 6, điều 2 NQ: 57/NQ-HĐND

	Xăng: (khoán 1.000 đ/km/người)	8.730.000		8.730.000	(Tiền xăng chi theo thực tế)
5.7	Giám sát phun tồn lưu nhà rẫy, nhà đầm, nhà ở	17.617.000	0	17.617.000	
	Phụ cấp lưu trú (28 ngày x 300.000)	8.400.000		8.400.000	Khoản 2, điều 5 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Tiền thuê phòng nghỉ (24 đêm x 300.000)	7.200.000		7.200.000	Khoản 1, điều 6 NQ: 01/2025/NQ-HĐND
	Xăng: (khoán 1.000 đ/km/người)	2.017.000		2.017.000	(Tiền xăng chi theo thực tế)
6	Bảo dưỡng, sửa chữa kính hiển vi	10.000.000	0	10.000.000	Điểm a, khoản 3, điều 3; TTLT 09/2014/TTLT-BYT- BTC
	Bảo dưỡng, sửa chữa kính hiển vi (05 kính x 2.000.000 đ/kính)	10.000.000		10.000.000	
7	Mua vật tư, hóa chất phòng sốt rét cung cấp các tuyến	163.000.000	0	163.000.000	
	Hóa chất phòng chống sốt rét Alpha-cypermetherin 10% (60 lít x 500.000đ/lít)	30.000.000		30.000.000	Điểm a, khoản 3, điều 3; TTLT 09/2014/TTLT-BYT- BTC
	Dầu soi kính hiển vi (3,5 lít x 11.500.000 đ/lít) (Quy cách: 100ml/chai)	40.250.000		40.250.000	
	Giêm Sa nhuộm lam kính (5 lít x 9.000.000 đ/lít)(Quy cách: 100ml/chai)	45.000.000		45.000.000	
	Lam Kính (52.000 lam x 410 đ/cái)	21.320.000		21.320.000	
	Kim chích máu (52.000 kim x 300 đ/cái)	15.600.000		15.600.000	
	Cồn sát trùng 70% (10 lít x 35.000 đ/lít)	350.000		350.000	
	Cồn tuyệt đối (2 lít x 100.000 đ/lít)	200.000		200.000	
	Vật tư khác (Bông, găng tay, pin,...)	10.280.000		10.280.000	

8	Kiểm tra giám sát hoạt động chuyên môn các tuyến	41.001.200	2.400.000	38.601.200	
	An Khê (5 ngày x 150.000 đ/ngày)	884.000		884.000	Khoản 3, điều 5 ; NQ:01/2025/NQ-HĐND
	PLEIKU	40.000		40.000	
	AYUNPA (16 ngày x 150.000 đ/ngày)	2.400.000		2.400.000	
	Phú Thiện (13 ngày x 150.000 đ/ngày)	2.040.000		2.040.000	
	Chư Păh (28 ngày x 150.000 đ/ngày)	4.200.000		4.200.000	
	Chư Prông (1 ngày x 150.000 đ/ngày)	220.000		220.000	
	Chư Sê (18 ngày x 150.000 đ/ngày)	2.747.200		2.747.200	
	Chư Pưh (2 ngày x 150.000 đ/ngày)	360.000		360.000	
	Đak Đoa (34 ngày x 150.000 đ/ngày)	5.100.000		5.100.000	
	Đak Pơ	2.400.000	2.400.000	0	
	Đức Cơ (20 ngày x 150.000 đ/ngày)	3.000.000		3.000.000	
	Ia Grai (26 ngày x 150.000 đ/ngày)	3.900.000		3.900.000	
	IA PA (2 ngày x 150.000 đ/ngày)	300.000		300.000	
	K'BANG (26 ngày x 150.000 đ/ngày)	3.900.000		3.900.000	
	Kông Chro (28 ngày x 150.000 đ/ngày)	4.200.000		4.200.000	
	Kông Pa (11 ngày x 150.000 đ/ngày)	1.710.000		1.710.000	
	Mang Yang (24 ngày x 150.000 đ/ngày)	3.600.000		3.600.000	

9	Hỗ trợ công phun tồn lưu (nhà ở, nhà rẫy)	92.936.000	14.820.000	78.116.000	
	Đức Cơ (96,8 công x 199.000đ/công)	19.275.000		19.275.000	Điểm d, khoản 6, điều 2 NQ: 57/NQ-HĐND
	IA PA (64,1 công x 199.000đ/công)	12.775.000		12.775.000	
	K'BANG (152,1 công x 199.000đ/công)	30.279.000	14.820.000	15.459.000	
	KRÔNG PA (153,8 công x 199.000đ/công)	30.607.000		30.607.000	
10	Hỗ trợ kinh phí điểm kính (30 điểm kính)	47.700.000	900.000	46.800.000	
	PLEIKU (1 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	1.800.000		1.800.000	Điểm b, khoản 6, điều 2 NQ: 57/NQ-HĐND
	Phú Thiện (1 điểm kính x 6 tháng x 150.000đ/tháng)	900.000		900.000	
	Chư Păh (1 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	1.800.000		1.800.000	
	Chư Sê (3 điểm kính x 6 tháng x 150.000đ/tháng)	2.700.000		2.700.000	
	Chư Puh (2 điểm kính x 6 tháng x 150.000đ/tháng)	1.800.000		1.800.000	
	Đak Đoa (11 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	19.800.000		19.800.000	
	Đức Cơ (1 điểm kính x 6 tháng x 150.000đ/tháng)	900.000		900.000	
	Ia Grai (3 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	5.400.000		5.400.000	
	IA PA (1 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	1.800.000		1.800.000	
	K'BANG (1 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	1.800.000		1.800.000	
	Kông Chro (3 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	5.400.000		5.400.000	
	Mang Yang (2 điểm kính x 12 tháng x 150.000đ/tháng)	3.600.000	900.000	2.700.000	

Phụ lục 3
Phân bổ kinh phí hoạt động Phòng, chống sốt rét
bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
Tổng cộng (I + II)		632.948.791	18.120.000	614.828.791	
I	Gia Lai Đông	216.345.836	0	216.345.836	
1	TT KSBT	216.345.836	0	216.345.836	
II	Gia Lai Tây	416.602.955	18.120.000	398.482.955	
1	TTYT An Khê	884.000		884.000	
2	TTYT PLEIKU	1.840.000		1.840.000	
3	TTYT AYUNPA	2.400.000		2.400.000	
4	TTYT Phú Thiện	3.730.596		3.730.596	

5	TTYT Chư Păh	6.000.000		6.000.000	
6	TTYT Chư Prông	220.000		220.000	
7	TTYT Chư Sê	5.447.200		5.447.200	
8	TTYT Chư Puh	2.160.000		2.160.000	
9	TTYT Đak Đoa	24.900.000		24.900.000	
10	TTYT Đak Pơ	2.400.000	2.400.000	0	
11	TTYT Đức Cơ	23.195.740		23.195.740	
12	TTYT Ia Grai	9.300.000		9.300.000	
13	TTYT IA PA	14.875.000		14.875.000	
14	TTYT K'BANG	35.979.000	14.820.000	21.159.000	
15	TTYT Kông Chro	9.600.000		9.600.000	
16	TTYT Kông Pa	32.317.000		32.317.000	
17	TTYT Mang Yang	7.200.000	900.000	6.300.000	
18	TT KSBT	234.154.419		234.154.419	